

Bản án số: 19/2019/DSPT
Ngày 31 - 05 - 2019
V/v tranh chấp đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán:

1. Ông Lương Ngọc Dũng
2. Bà Vũ Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Thắng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dón - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 4 và ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp đất đai kiện đòi tài sản là quyền sử dụng nhà và đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1093/2019/QĐSTXX- DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn L; trú tại: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng (Theo giấy ủy quyền ngày 29 tháng 5 năm 2018 của ông Bùi Văn L); phiên tòa ngày 12/4/2019 có mặt; phiên tòa ngày 31/5/2019 vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Xuân L, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Xuân L: Bà Nguyễn Thị N, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 22 tháng 5 năm 2018), có mặt;

2. Bà Bùi Thị T, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, phiên tòa ngày 12/4/2019 có mặt; phiên tòa ngày 31/5/2019 vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Bùi Văn L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bùi Văn L trình bày:

Bố mẹ của ông L là cụ Bùi Ngọc L và cụ Đặng Thị Q ở bên xe Kênh từ năm 1972, cụ Đặng Thị Q được giao nhiệm vụ quản lý, trông coi, giữ gìn vệ sinh bên xe. Bên xe hoạt động đến năm 1986 thì giải thể, gia đình cụ L cụ Q và các con cụ vẫn ở tại bên xe. Bên xe có 03 gian nhà chờ đợi khách, tường xây gạch chỉ 110, ngăn gian là chung tường xây lửng cao khoảng 1m, mái lợp ngói đỏ xuống cấp hư hỏng, ba gian nhà chờ có diện tích chiều rộng theo mặt đường khoảng 10m, chiều dài nhà và đất khoảng 23m, tại Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Cụ Đặng Thị Q là người được giao quản lý, sử dụng.

Năm 1990 ông L kết hôn với bà Bùi Thị T vợ chồng ông chung sống cùng với bố mẹ tại ba gian nhà chờ của bên xe Kênh. Do nhà chờ xuống cấp ông L bà T tu sửa, xây tường ngăn từng gian và san lấp phía sau nhà chờ. Cụ L cụ Q ở gian đầu, ông L bà T ở gian giữa, vợ chồng bà N ở gian giáp với bưu điện chợ Kênh, còn các anh của ông L là ông Bùi Văn N, ông Bùi Văn C, ông Bùi Xuân L ở nơi khác, ông Bùi Ngọc L đi Hồng Kông. Đến năm 1992 cụ L chết. Năm 1994 cụ Q có đơn xin thanh lý ba gian nhà chờ của bên xe và được Ủy ban nhân dân huyện An Lão đồng ý thanh lý. Ngày 22 tháng 8 năm 1998 cụ Q còn minh mẫn, cụ viết giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản gồm có một nhà chờ đợi ba gian lợp ngói và toàn bộ diện tích đất tự lập phía sau nhà chờ cho ba người con là Bùi Thị N, Bùi Ngọc L, Bùi Ngọc L, có sự chứng kiến của các con là ông Bùi Văn N, ông Bùi Xuân L, hai người hàng xóm là ông Ninh Văn B và ông Dương Đức B và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Quang Trung. Năm 1998 cụ Đặng Thị Q chết, cuối năm 1998 ông Bùi Xuân L là anh trai ông L có vợ con sống ở xã Bát Trang do vợ chồng ông L sống không hạnh phúc, ông L đón bố con ông L về cho ở nhờ tại gian nhà chờ cụ Q cho ông L (chỉ nói miệng không lập văn bản). Ông L bà T chuyển sang ở phần đất sếp lô cốt giáp gian nhà cụ Q cho ông Bùi Ngọc L. Ông L ở sau đó có đưa bà Nguyễn Thị N về chung sống với nhau và có 01 con chung. Quá trình ông L bà N chung sống tại gian nhà chờ ông L cho ở nhờ có xây nổi thêm 01 gian nhà và công trình phụ phía sau, ông L bà T không đồng ý cho xây dựng nhưng ông L bà N cố tình làm. Nên vợ chồng ông L không đồng ý bồi thường cho bà N.

Năm 2015 Nhà nước có mở rộng đường quốc lộ 10, ông L và bà N xây dựng thêm phía trước nhà 01 gian để nhận tiền đền bù của Nhà nước, ông L bà T đồng ý cho ông L đứng tên nhận bồi thường đền bù tài sản. Năm 2016 ông L ốm chết, bà N là người trực tiếp nhận tiền bồi thường của Nhà nước, ông L bà T nhất trí không tranh chấp gì. Nhà đất hiện nay bà Nguyễn Thị N và anh Bùi Xuân L đang sử dụng là của cụ Đặng Thị Q thừa kế cho ông L, ông L cho ông L ở nhờ nhưng ông L đã chết.

Yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L: Đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N và anh Bùi Xuân L trả cho ông nhà và đất có chiều rộng là 3,3m, chiều dài là 23m, tổng cộng là 75,9m².

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ông Bùi Xuân L là con trai thứ 4 của cụ L cụ Q, ông L và vợ cả chung sống không hạnh phúc, vợ ông L bỏ đi nên ngày 20 tháng 01 năm 1997 ông L đưa bà về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn và được sự đồng ý của gia đình cụ Q. Khi bà về chung sống với ông L và ở tại gian giữa nhà chờ mà trước đó ông L đã được cụ Q cho ở. Cụ Q xin thanh lý 03 gian nhà chờ của bên xe và cho miệng các con ở không lập văn bản giấy tờ gì. Hiện trạng gian nhà vợ chồng bà sử dụng đã xuống cấp hư hỏng đột nát. Nhà có diện tích khoảng 20m² (chiều rộng khoảng 3,3m, chiều dài khoảng 6m), vợ chồng bà phải đổ đất san lấp, sửa nhà ở vì điều kiện kinh tế khó khăn, bà sống với ông L còn phải nuôi con riêng của ông L là cháu Bùi Văn Đ từ khi cháu 8 tuổi đến khi học hết cấp 3 cháu Đ về ở với mẹ cháu, bà và ông L có 01 con chung là Bùi Xuân L. Do nhà hư hỏng bà và ông L tiếp tục sửa chữa và xây nổi thêm 01 gian phía sau và xây công trình phụ, anh em trong gia đình không ai có ý kiến ngăn cản, tranh chấp gì. Do sửa chữa nhỏ bà không trình báo chính quyền địa phương. Năm 2014 vợ chồng bà xây nổi thêm gian phía trước 2 tầng, tầng 1 đổ mái bằng, tầng 2 lợp tôn kẽm. Năm 2015 Nhà nước có kế hoạch mở rộng đường quốc lộ 10, ông L có tên trong danh sách nhận tiền đền bù nhưng đến ngày 19 tháng 3 năm 2016 ông L ốm chết. Trước khi Nhà nước trả tiền đền bù Ủy ban nhân dân xã Quang Trung lập biên bản về việc thống nhất mốc giới, diện tích đất, hiện trạng sử dụng đất các hộ gia đình nhà bà, ông Bùi Ngọc L, bà Bùi Thị N và ông Bùi Văn L có biên bản họp gia đình công nhận sử dụng hiện trạng đất không có tranh chấp để nhận tiền đền bù và bà là người nhận tiền thay ông L và giao mặt bằng cho Nhà nước làm đường.

Cụ Q chết, không để lại bất cứ giấy tờ gì về nhà đất cho các con. Bà được biết Giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản viết ngày 22 tháng 8 năm 1998 không phải cụ Q viết và ký tên, vì giấy này do bà Nguyễn Thị T (vợ ông Bùi Văn N) là con dâu trưởng cụ Q viết và ký tên khi đó cụ Q ốm nặng không còn tỉnh táo, mục đích bà T viết là để giữ đất cho anh em. Giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản không hợp pháp. Nên ông L không có căn cứ đòi nhà đất của bà đang sử dụng.

Toàn bộ nhà đất cụ Q cho vợ chồng bà ở từ năm 1997 do vợ chồng bà tu sửa ở ổn định, ông L bà T không tu sửa gì. Bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T:

Bà T khai thống nhất với lời khai và yêu cầu khởi kiện của ông L. Bà T khai bổ sung: Trước khi ông L cho ông L ở nhờ nhà bà và ông L có công sức sửa chữa, tu tạo gian nhà chõr. Nay ông L chết chỉ còn bà N và anh L sử dụng nhà đất. Bà không yêu cầu tính toán công sức của bà tu sửa gian nhà trên.

Tại Bản án số 10/2018/DSST ngày 13 tháng 11 năm 2018 TAND huyện An Lão đã căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165, Điều 266 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L về việc buộc bà Nguyễn Thị N và anh Bùi Xuân L trả lại nhà và đất đã cho mượn có diện tích 3,3m x 23m = 75,9m² tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 218-B-3; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo đối với các đương.

26/11/2018 nguyên đơn ông Bùi Văn L kháng cáo Bản án sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão đề nghị Cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho vợ chồng ông nhà và đất diện tích 75,9 m² mà ông đã cho ông L ở nhờ. Lý do nhà và đất nêu trên là của cụ Đặng Thị Q được thanh lý và cụ Q đã viết giấy chuyển quyền thừa kế cho ông có người làm chứng và được UBND xã xác nhận ký tên đóng dấu.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện VKSND thành phố Hải Phòng phát biểu:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tổ tụng dân sự: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Đây là tranh chấp đất đai (kiện đòi tài sản là nhà đất) theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự , Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả cho vợ chồng nguyên đơn nhà và đất diện tích 75,9m² tại thửa đất số 56 tờ bản đồ số 218-B-3 tại Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

+ Xác định nguồn gốc tái sản tranh chấp:

[2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự phù hợp với các tài liệu xác minh và chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Diện tích 75,9m² có chiều rộng là 3,3m, chiều dài là 23m hiện bà N và anh L đang quản lý sử dụng nằm trong 3 gian nhà chờ của Bến xe Kênh tại Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có nguồn gốc của Cụ Bùi Ngọc L và Cụ Đặng Thị Q đã quản lý sử dụng từ năm 1972. Cụ Q là người được Phòng Giao thông Vận tải huyện Kiến An giao nhiệm vụ quản lý, trông coi. Khi Bến xe Kênh không hoạt động đã giải thể, cụ Đặng Thị Q có đơn xin thanh lý nhà đất từ năm 1994 và được Ủy ban nhân dân huyện An Lão đồng ý thanh lý cho gia đình 1/2, Chi cục thuế 1/2 nhà theo mặt đường các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng không ghi rõ, cụ thể thanh lý cho cụ Q diện tích nhà đất là bao nhiêu, nhà đất thanh lý nằm ở vị trí nào của bến xe Kênh. Ngày 02 tháng 7 năm 1995 Ủy ban nhân dân xã Quang Trung đã lập biểu tính toán tiền đền bù cấp đất ở bến xe Kênh cho cụ Đặng Thị Q nhưng gia đình không nộp chứng từ, hóa đơn chứng minh về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà đất xin thanh lý nên cụ Đặng Thị Q chưa có quyết định cấp đất ở thanh lý bến xe Kênh. Tính đến ngày 05 tháng 01 năm 2017 Ủy ban nhân dân xã Quang Trung chưa xác định được việc nộp nghĩa vụ tài chính của các hộ con cụ Q đang sử dụng đất của bến xe Kênh. Tại văn bản số 686/UBND-TNMT ngày 21 tháng 5 năm 2019 của UBND huyện An Lão có ý kiến: Trường hợp có căn cứ chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất của hộ gia đình cụ Đặng Thị Q thì phần đã thực hiện nghĩa vụ tài chính được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định. Trường hợp không có căn cứ chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất của hộ gia đình cụ Đặng Thị Q thì căn cứ vào các quy định của Luật đất đai nếu thửa đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành. Như vậy diện tích nhà và đất đang tranh chấp là thuộc quyền quản lý sử dụng của hộ cụ Đặng Thị Q nằm trong diện được thanh lý nhà đất nhưng đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định vì chưa xác định được nghĩa vụ tài chính (nộp tiền thanh lý) của hộ cụ Đặng Thị Q đối với nhà nước.

+ Nguyên đơn: Ông Bùi Văn L căn cứ vào giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản viết ngày 22 tháng 8 năm 1998 của cụ Đặng Thị Q để khởi kiện bị đơn phải trả nhà đất diện tích 75,9m² tại thửa đất số 56 tờ bản đồ số 218-B-3 tại Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3] Xét “*Giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản*” ngày 22/8/1998. Về hình thức: Là chữ viết tay, phần dưới có ghi “*chủ hộ Đặng Thị Q*”, con cả: chữ ký và viết “*Bùi Nam*”, con thứ có chữ ký “*Long*”, người hàng xóm chữ ký và chữ viết “*Ninh Văn Biên*” và “*Dương Đức Bảo*”, có xác nhận của Chủ tịch UBND xã Quang Trung “*Chứng nhận Bà Đặng Thị Q có 3 người con N, L, L đang ở với bà là đúng*”. Về nội dung: Cụ Q có 01 nhà chờ đợi 03 gian nhà lợp ngói và toàn bộ diện tích đất phía sau nhà chờ giao lại cho 03 người con là Bùi Thị N, Bùi Ngọc L và Bùi Ngọc L mỗi người 01 gian nhà của bến xe Kênh. nhưng không ghi rõ cho bà N, ông L, ông L ở cụ thể gian nào và có diện tích là bao nhiêu mét. Quá trình xác minh: Thực tế đơn xin thanh lý của cụ Q chỉ được Ủy ban nhân dân huyện An Lão đồng ý thanh lý cho 1/2 nhà nhưng không ghi rõ nhà đất nằm ở vị trí nào và có diện tích là bao nhiêu. Như phân tích ở phần trên hiện cụ Q chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, vì chưa chứng minh được cụ Q đã thực hiện nghĩa vụ tài chính để được thanh lý nhà đất. Mặt khác giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản viết ngày 22 tháng 8 năm 1998 trong khi đó ngày 23 tháng 8 năm 1998 cụ Q chết. Bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn N đều cam đoan Giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản ngày 22 tháng 8 năm 1998 do ông Bùi Văn N đọc cho bà Nguyễn Thị T viết và bà T tự bà ký họ tên Đặng Thị Q trong giấy khi cụ Q ốm nặng không biết gì, cụ Q không thể viết được và không ký tên hay điểm chỉ gì vào giấy. Thời điểm bà T viết giấy này chỉ có mặt bà Tiên và ông N ngoài ra không còn ai chứng kiến. Bà T đã thừa nhận việc này.

[3] Người làm chứng là ông Ninh Văn B và ông Dương Đức B công nhận chữ ký họ và tên mình trong giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản của cụ Đặng Thị Q là đúng nhưng ông B và ông B xác nhận đều không có mặt chứng kiến khi cụ Q viết giấy và thời điểm các ông ký và viết họ, tên với tư cách là người làm chứng trong giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản thời gian nào, không thống nhất với lời khai của phía nguyên đơn trình bày. Ông Vũ Văn N nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quang Trung chỉ chứng nhận bà Đặng Thị Q có 03 người con là N, L, L đang ở với bà. Như vậy về hình thức của giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản không đúng quy định của pháp luật và về nội dung không phải là ý chí của cụ Đặng Thị Q. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Giấy xin chuyển nhượng thừa kế tài sản ngày 22 tháng 8 năm 1998 không hợp pháp theo quy định tại Điều 630 của Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên Cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L là có căn cứ đúng pháp luật do vậy HĐXX phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông Bùi Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão.

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 630 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ quy định Điều 100 của Luật đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L về việc buộc bà Nguyễn Thị N và anh Bùi Xuân L trả lại nhà và đất đã cho mượn có diện tích $3,3m \times 23m = 75,9m^2$ tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 218-B-3; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

+ Về án phí sơ thẩm: Ông Bùi Văn L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016861 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Ông Liên đã nộp đủ án phí.

+ Án phí phúc thẩm : Ông Bùi Văn L phải nộp 300.000đ ông Liên đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0017000 ngày 03 tháng 12 năm 2018, ông Bùi Văn L đã nộp đủ.

+ Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Văn L phải nộp 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí định giá tài sản nhưng được trừ vào số tiền ông L đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Hoàn trả lại ông Bùi Văn L số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng), ông Bùi Văn L đã nhận đủ số tiền trên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy